TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 215/2024/HNGĐ-ST
Ngày 10– 4 – 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Lâm Bảo Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thái Quân

Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 4 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2024/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 01 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 97/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Trung N, sinh năm 1988, Nơi cư trú: tổ F, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1994, nơi cư trú: số B, tổ H, ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

(Ông N có mặt, chị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn trình bày:

Cả hai tự tìm hiểu lẫn nhau và được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào ngày 19/4/2012 âm lịch, sau khi kết hôn xong thì chung sống với cha mẹ chồng tại tổ F, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, đến ngày 10/10/2012 được UBND thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 141. Vợ chồng sinh sống tại đây được trên 06 tháng. Sau đó bà T tự ý bỏ về nhà cha mẹ vợ tại xã H, huyện P, tỉnh An Giang sinh sống, ông N đi theo về quê vợ tại xã P sinh sống được khoảng 10 ngày, ông N có động viên bà T nên trở về quê nhà của ông N để tiếp tục sinh sống nhưng bà T không đồng ý, nên ông N trở

về quê tại Lâm Đồng.

Đến ngày 16/01/2013 bà T sinh được một đứa con tên Phan Trần Thanh N1, lúc này ông N về quê vợ cùng vợ con được khoảng 3 tháng, lại tiếp tục khuyên bà T cùng về quê chồng sinh sống nhưng bà T không đồng ý, hàng tháng ông N đều gởi tiền về cho bà T và bà ngoại để nuôi con đến hết năm 2018, ông phát hiện bà T có quen với người đàn ông khác. Nên ông ngưng gởi tiền nuôi con, đến thời gian gần đây ông biết bà T đang chung sống như vợ chồng và có thai với người đàn ông khác. Nay tình cảm không còn, không thể hàn gắn, ông yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị Tuyết .

+ Về quan hệ con chung: có 01 tên Phan Trần Thanh N1, sinh năm 16/01/2013. Đối với cháu N1 từ khi sinh ra cho đến nay được bà ngoại nuôi dưỡng, bà T không nuôi dưỡng chăm sóc cháu từ khi sinh ra cho đến nay, từ đó việc sinh hoạt hàng ngày của cháu và việc đi học của cháu còn nhiều hạn chế. Hiện nay bà T đang mang thai chuẩn bị sinh con với người chồng khác, nên sợ ảnh hưởng đến cuộc sống sinh hoạt và việc học hành của cháu.

Nay ông yêu cầu được nuôi con chung tên Phan Trần Thanh N1 không yêu cầu bà T cấp dưỡng. Trường hợp Toà án ghi ý kiến nguyện vọng con muốn sống với ai thì tuỳ ý con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do cho thấy bị đơn không chấp hành đúng quy định Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ly hôn với bà T. Con chung tiếp tục giao bà T nuôi dưỡng, ông N không cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn bị đơn có nơi cư trú tại huyện P, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Ông N và bà T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 141 ngày 10/10/2012 do Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng cấp là hôn nhân hợp pháp. Ông N cho rằng vợ chồng mâu thuẫn do rạn nứt tình cảm, không liên lạc với nhau và đã ly thân từ năm 2013 đến nay. Xét thấy, hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông N yêu cầu ly hôn là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: con chung hiện đang sống với bà T, đồng thời cháu có nguyện vọng sống chung mẹ, để đảm bảo môi trường phát triển của cháu tiếp tục giao con chung cho bà T nuôi dưỡng, do bà T không có ý kiến và gởi văn bản trình bày về vấn đề con chung, nên không đặt ra xem xét vấn đề cấp dưỡng, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: ông N trình bày không có tài sản chung, nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: ông N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9; Điều 51, 53, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147 khoản 1 Điều 273, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Trung N

1. Về hôn nhân gia đình: ông Phan Trung N được ly hôn với bà Trần Thị Tuyết .

2. Về con chung: Giao con chung tên Phan Trần Thanh N1 sinh ngày 16/01/2013 cho bà Trần Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến thành niên hoặc tự lập được. Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trần Thị T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định

3. Về tài sản chung: Không

4. Về nợ: Ghi nhận ông N trình bày không có nợ chung, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có đương sự xuất trình chứng cứ

chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

5. Về án phí: ông N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006525 ngày 09 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Bà T không phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân
- UBND thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng
- TAND tỉnh An Giang
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Lâm Bảo Ngọc